

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KẾ SÁCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **141/2023/DS-ST**
Ngày 31 tháng 8 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngoãn

Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản” thụ lý số 157/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2023/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Châu Thị Kim T**, địa chỉ: **H ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trịnh Lệ T1**, địa chỉ: **A N, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T2**, địa chỉ: **ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà **Châu Thị Kim T** và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Trịnh Lệ T1** thống nhất trình bày: Bà **T** có thỏa thuận mua 02 phần hụi của bà **Nguyễn Thị T2** và ông **Nguyễn Văn H** mà bà **T2**, ông **H** tham gia trong 02 dây hụi do ông **Võ Văn N** làm chủ, cụ thể như sau: Phần 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2017 âm lịch, có 39 phần, bà **T2** và ông **H** tham gia chung 01 phần (đề tên **T3** 10), sau khi đóng hụi sống được 08 lần và đến lần thứ 9 thì bà **T2**, ông **H** chuyển giao (bán) cho bà **T** với giá 30.620.000 đồng, thỏa thuận đến hụi mãn thì bà **T** được nhận 39.000.000 đồng; Phần 2: Hụi mùa 2.000.000

đồng, mở ngày 20/7/2017 âm lịch, có 28 phần, bà T2 và ông H tham gia chung 01 phần (để tên 10 H), sau khi đóng hui sống được 06 lần và đến lần thứ 7 thì bà T2, ông H chuyển giao (bán) cho bà T với giá 36.200.000 đồng, thỏa thuận đến hui mãn thì bà T được nhận 56.000.000 đồng. Do thỏa thuận chuyển giao hui giữa bà T2, ông H với bà T thì không có thông qua chủ hui là ông Võ Văn N, nên bà T2, ông H đã gặp ông N yêu cầu hốt hui và được ông N đồng ý cho bà T2, ông H lĩnh hui cả 02 phần hui nêu trên mà không giao trả tiền cho bà T. Ngoài ra, vào ngày 15/8/2018 âm lịch, bà T2, ông H có vay của bà Châu Thị Kim T 20.000.000 đồng, sau đó đã trả được 7.000.000 đồng, còn nợ lại 13.000.000 đồng đến nay chưa trả; đồng thời vào ngày 10/6/2017, bà T2, ông H có mượn của bà T 0,5 chỉ vàng 24K, đến nay chưa trả. Trong đơn khởi kiện ban đầu, bà Châu Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn H cùng có trách nhiệm trả cho bà T tiền mua hui còn nợ gồm: Phần 1 là 30.620.000 đồng; phần 2 là 36.200.000 đồng; tiền vay 13.000.000 đồng, cộng với tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ thời điểm giao dịch đến ngày xét xử và 0,5 chỉ vàng 24K. Đến ngày 11/8/2023, bà Châu Thị Kim T có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, theo đó bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Nguyễn Thị T2, vì bà xác định ông H không trực tiếp vay mượn tiền vàng và tham gia giao dịch hui với bà T; đồng thời giảm mức lãi suất từ 1,66%/tháng (20%/năm) xuống 0,83%/tháng (10%/năm). Bà T xác định lại nội dung khởi kiện như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết t các khoản:

- Tiền hui phần 1 vốn gốc 30.620.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày xét xử (ngày 31/8/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng là 15.341.000 đồng, cộng chung vốn lãi là 45.961.000 đồng.

- Tiền hui phần 2 vốn gốc 36.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 31/8/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng là 17.176.000 đồng, cộng chung vốn lãi là 53.376.000 đồng.

- Tiền vay vốn gốc 13.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/9/2018 đến ngày xét xử (ngày 31/8/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng là 6.391.000 đồng, cộng chung vốn lãi là 19.391.000 đồng.

- Số vàng mượn là 0,5 chỉ vàng 24K (quy thành tiền là 2.700.000 đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà T2 thừa nhận trước đây có tham gia 02 phần hui của 02 dây hui do ông Võ Văn N làm chủ, đóng hui được vài lần thì bà T2 thỏa thuận để bán cho bà Châu Thị Kim T, về số tiền đã nhận của bà T dây hui 1 là 30.620.000 đồng và dây 2 là 36.200.000 đồng như phần trình bày của bà T là đúng; đồng thời bà T2 còn có mượn của bà T 0,5 chỉ vàng 24K và vay của bà T 20.000.000 đồng nhưng đã trả được 7.000.000 đồng, nay còn nợ tiền vay là 13.000.000 đồng. Bà T2 xác nhận hiện nay còn nợ bà T khoản tiền hui, tiền vay và số vàng mượn nêu trên là đúng và đồng ý trả hết các khoản tiền vàng này, nhưng chỉ trả vốn gốc chứ không đồng ý trả lãi và có yêu cầu xin được trả dần theo khả năng thu nhập là 500.000 đồng/tháng.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp yêu cầu khởi kiện (đã thay đổi) để buộc bị đơn trả số tiền 118.728.000 đồng (trong đó vốn gốc là 79.820.000 đồng, tiền lãi là 38.908.000 đồng) và 0,5 chỉ vàng 24K quy thành tiền tại thời điểm xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà **Nguyễn Thị T2** nhưng lời khai bà **T2** có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy tay nhận nợ của bị đơn bà **Nguyễn Thị T2**, được bà **T2** thừa nhận, nên đây là tình tiết không phải chứng minh của nguyên đơn. Đồng thời qua lời trình bày của bị đơn bà **Nguyễn Thị T2**, thì được biết giữa bà **T2** với bà **T** có thỏa thuận hợp đồng vay mượn tài sản và giao dịch hui; xét về hình thức, nội dung và mục đích của giao dịch hợp đồng giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà **T**, bà **T2** đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên giao dịch hợp đồng giữa các đương sự là hợp pháp.

[3] Đối với ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông **H** không trực tiếp vay mượn tiền vàng và tham gia giao dịch hui với bà **T** nên không yêu cầu khởi kiện đối với ông **H**, đã được Tòa án xem xét và xác định lại tư cách đương sự trong vụ án theo Thông báo số 485/TB-TA, ngày 08/8/2023 xong; về nội dung thay đổi giảm mức lãi suất từ 1,66%/tháng (20%/năm) xuống 0,83%/tháng (10%/năm) là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và theo hướng có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với ý kiến của bị đơn yêu cầu được trả dần nhưng không được nguyên đơn đồng ý, xét thấy nội dung này thuộc thẩm quyền ở giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng của từng khoản tiền được tính như sau:

- Tiền hui phần 1 số tiền 30.620.000 đồng từ ngày 20/8/2018 đến ngày xét xử (ngày 31/8/2023) là 60 tháng 11 ngày là 15.341.000 đồng (30.620.000 đồng x 0,83%/tháng x 60 tháng 11 ngày).

- Tiền hui phần 2 số tiền 36.200.000 đồng từ ngày 26/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 31/8/2023) là 57 tháng 05 ngày là 17.176.000 đồng (36.200.000 đồng x 0,83%/tháng x 57 tháng 05 ngày).

- Tiền vay số tiền 13.000.000 đồng từ ngày 24/9/2018 đến ngày xét xử (ngày 31/8/2023) là 59 tháng 07 ngày là 6.391.000 đồng (13.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 59 tháng 07 ngày).

[6] Đối với việc quy đổi vàng bằng tiền, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, giá vàng nữ trang được cập nhật dao động ở mức trên dưới 5.600.000 đồng/chỉ vàng 24K tính theo giá bán ra, nhưng nguyên đơn yêu cầu tính với giá 5.400.000 đồng/chỉ vàng 24K là theo hướng có lợi cho bị đơn, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định bà **Nguyễn Thị T2** còn nợ bà **Châu Thị Kim T** số tiền vốn gốc là 79.820.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 38.908.000 đồng, số vàng 0,5 chỉ vàng 24K quy tiền là 2.700.000 đồng, tổng cộng là 121.428.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà **T2** phải có nghĩa vụ trả cho bà **T** số tiền này theo quy định tại các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (đã được thay đổi tại phiên tòa); buộc bà **Nguyễn Thị T2** có nghĩa vụ trả cho bà **Châu Thị Kim T** số tiền nợ gốc là 79.820.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 38.908.000 đồng, và 0,5 chỉ vàng 24K được quy đổi bằng tiền tại thời điểm xét xử theo đơn giá 5.400.000 đồng/chỉ vàng 24K là 2.700.000 đồng, tổng cộng là 121.428.000 (*một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà **Nguyễn Thị T2** phải chịu án phí là 6.071.400 (*sáu triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm*) đồng.

2.2. Bà **Châu Thị Kim T** không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp 3.850.000 (*ba triệu tám trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007151 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;

- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Diệu